

Số: 1263/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 04 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1188/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Lê Thị A**

Sinh năm: 1981

Địa chỉ thường trú: 243 Lô B, cư xá T, tổ dân phố 31, khu phố 2, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Nguyễn Thanh B**

Sinh năm: 1970

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, ấp Q, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 11 HT, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà Lê Thị A và ông Nguyễn Thanh B ngày 07 tháng 3 năm 2005 cùng lời trình bày của các bên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Thanh B là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên cuộc hôn nhân này đã không đạt được mục đích nên sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện và đúng pháp luật, nên công nhận.

[2] Về con chung: Bà A và ông B xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thùy C - sinh ngày 17/6/2004 và Nguyễn Thiên D - sinh ngày 19/4/2012. Đôi bên thỏa thuận giao trẻ Thùy C và trẻ Thiên D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B cấp dưỡng nuôi trẻ Thùy C với mức 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi trẻ Thiên D với mức 11.000.000 (mười một triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 04/9/2020 cho đến khi Thùy C và trẻ Thiên D đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên về con chung là tự nguyện, đúng pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên có cơ sở để công nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Bà Lê Thị A và ông Nguyễn Thanh B pB chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A và ông Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thùy C - sinh ngày 17/6/2004 và Nguyễn Thiên D - sinh ngày 19/4/2012. Đôi bên thỏa thuận giao trẻ Thùy C và trẻ Thiên D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B cấp dưỡng nuôi trẻ Thùy C với mức 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi trẻ Thiên D với mức 11.000.000 (mười một triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 04/9/2020 cho đến khi Thùy Anh và trẻ Thiên Ngân đủ tuổi trưởng thành.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đúng theo thỏa thuận như trên thì hàng tháng ông B pB trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị A và ông Nguyễn Thanh B thỏa thuận chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0088102 ngày 03/8/2020

của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; bà A và ông B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pB thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Y;
- Chi cục THADS Q.Y;
- UBND X. H H.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thiện Liên Hương